

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2017

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Ánh Minh

2. Ông Vi Quốc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Châm – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 191/2017/TLST - HNGĐ ngày 13/6/2017 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 19/7/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1977; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B (có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Lương Thị Tuyết M, sinh năm 1980; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B (có mặt)

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Văn K trình bày: Trên cơ sở quen biết, tìm hiểu, anh và chị Lương Thị Tuyết M tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2002. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng vẫn thường cự cãi, thời gian gần đây mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn do không hợp tính tình và quan điểm sống. Anh chị đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không giải quyết được và đã ly thân đến nay khoảng 4 tháng. Nay không thể kéo dài tình trạng hôn nhân nên anh K yêu cầu được ly hôn.

Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 03/5/2005 và cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 07/7/2009 hiện đang sống chung với anh chị. Sau

khi ly hôn anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi con, nếu cháu T và cháu N có nguyện vọng được sống với mẹ thì anh K đồng ý để chị M nuôi con, anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 700.000 đồng đến khi hai cháu tròn 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Lương Thị Tuyết M trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh K về thời gian kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng thì vợ chồng chỉ mâu thuẫn từ đầu năm đến nay, nguyên nhân là do anh K có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị M phát hiện anh K nhiều lần nhắn tin gọi điện cho người phụ nữ này nhưng chứng cứ để cung cấp cho Tòa án thì chị không có. Nay chị M còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị thống nhất với lời trình bày của anh K. Nếu phải ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 700.000 đồng đến khi các con tròn 18 tuổi.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Thị Cẩm T và Nguyễn Trọng N có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định. Các đương sự chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, bác yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Văn K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Xin ly hôn*” theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn chị Lương Thị Tuyết M có nơi cư trú tại ấp T, xã Tân T, huyện M nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

[2] Anh Nguyễn Văn K và chị Lương Thị Tuyết M kết hôn vào năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn K, anh K cho rằng nguyên nhân vợ

chồng mất hạnh phúc là do không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của anh K, chị M trên cơ sở tìm hiểu và tự nguyện. Anh K thừa nhận từ sau khi kết hôn năm 2001, anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian dài, có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 2005 và Nguyễn Trọng N, sinh năm 2009 hiện hai cháu đang sống với anh chị. Lý do không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống mà anh K đưa ra để xin ly hôn với chị M là chưa phù hợp với quan hệ hôn nhân đã kéo dài nhiều năm, lý do này cũng không phù hợp khi anh K thừa nhận anh chị vừa ly thân đến nay vài tháng. Thêm vào đó, căn cứ vào biên bản xác minh ngày 30/6/2017 thì cha mẹ ruột của anh K xác định, vợ chồng anh K, chị M xảy ra bất hòa vào khoảng tháng 10 âm lịch năm 2016 nguyên nhân do anh K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Xét thấy, lý do anh K đưa ra để xin hôn với chị M là không có căn cứ, lỗi dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc là do anh K gây ra và hiện tại chị M vẫn còn thương chồng, thương con nên không đồng ý ly hôn. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K.

Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh K nên không xem xét đến yêu cầu về nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung anh K và chị M trình bày không có nên không đề cập.

[3] Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Bác yêu cầu của anh Nguyễn Văn K xin ly hôn với chị Lương Thị Tuyết M.
2. Về nuôi con chung: Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn K nên không xem xét.
3. Về tài sản chung và về nợ chung: Anh K, chị M trình bày không có nên không đề cập.
4. Anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu 0008543 ngày

13/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, anh K không phải nộp thêm.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Võ Thị Hồng Thúy